

Số: 03/2020/QĐST-DS

Đồ Sơn, ngày 06 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là VP Bank), địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L1, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo uỷ quyền của VP Bank:* Ông Vương Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Nguyễn Quang T - Chuyên viên xử lý nợ của Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP V (Văn bản uỷ quyền ngày 07-11-2019).

Bị đơn: Ông Phạm Đình M, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1976; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ1, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Đình M:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ1, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền ngày 19-5-2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1953 và bà Đào Thị M, sinh năm 1949; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Q1, phường H, quận Đ1, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Văn T và bà Đào Thị M:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền ngày 24-6-2020).

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

## 2.1. Về số tiền nợ:

Tính đến ngày 24-6-2020, ông M và bà B còn nợ VP Bank tổng số tiền là 2.625.448.461 (*Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi một*) đồng; trong đó, nợ gốc là 1.538.933.391 (*Một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm chín mươi một*) đồng, nợ lãi trong hạn là 648.159.174 (*Sáu trăm bốn mươi tám triệu một trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tư*) đồng, nợ lãi quá hạn là 311.630.844 (*Ba trăm mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn mươi tư*) đồng, nợ lãi chậm trả là 126.725.052 (*Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm năm mươi hai*) đồng, theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Theo Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử danh cho khách hàng cá nhân số CN/VN0010129/201706/06 ngày 05-6-2017 (mục đích vay: *Đề kinh doanh*), ông M và bà B còn nợ VP Bank số tiền là 273.826.099 (*Hai trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín*) đồng; trong đó, nợ gốc là 110.805.334 (*Một trăm mười triệu tám trăm linh năm nghìn ba trăm ba mươi tư*) đồng, nợ lãi trong hạn là 95.412.118 (*Chín mươi lăm triệu bốn trăm mười hai nghìn một trăm mười tám*) đồng, nợ lãi quá hạn là 46.742.023 (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn không trăm hai mươi ba*) đồng, nợ lãi chậm trả là 20.866.624 (*Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi tư*) đồng;

- Theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010129/201706/16 ngày 14-6-2017 (mục đích vay: *Đề tiêu dùng*), ông M và bà B còn nợ VP Bank số tiền là 194.504.117 (*Một trăm chín mươi tư triệu năm trăm linh bốn nghìn một trăm mười bảy*) đồng; trong đó, nợ gốc là 99.627.263 (*Chín mươi chín triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi ba*) đồng, nợ lãi trong hạn là 66.353.015 (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ba nghìn không trăm mười lăm*) đồng, nợ lãi quá hạn là 28.523.839 (*Hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi ba nghìn tám trăm ba mươi chín*) đồng;

- Theo Hợp đồng tín dụng số LN 1706080071487 ngày 15-6-2017 (mục đích vay: *Mua sắm nội thất, thiết bị gia đình*), ông M và bà B còn nợ VP Bank số tiền là 1.931.775.734 (*Một tỷ chín trăm ba mươi một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi tư*) đồng; trong đó, nợ gốc là 1.189.667.461 (*Một tỷ một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi một*) đồng, nợ lãi trong hạn là 435.850.771 (*Bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi một*) đồng, nợ lãi quá hạn là 211.810.379 (*Hai trăm mười một triệu tám trăm mười nghìn ba trăm bảy mươi chín*) đồng, nợ lãi chậm trả là 94.447.123 (*Chín mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba*) đồng;

- Theo Hợp đồng cho vay số LN 1707240127083 ngày 26-7-2017 (mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa), ông M và bà B còn nợ VP Bank số tiền là 225.342.511 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm mười một*) đồng; trong đó, nợ gốc là 138.833.333 (*Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng, nợ lãi trong hạn là 50.543.270 (*Năm mươi triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi*) đồng, nợ lãi quá hạn là 24.554.603 (*Hai mươi tư triệu năm trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm linh ba*) đồng, nợ lãi chậm trả là 11.411.305 (*Mười một triệu bốn trăm mười một nghìn ba trăm linh năm*) đồng.

2.2. Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông M và bà B thế chấp các tài sản cho VP Bank gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80, diện tích 293m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 754736 do UBND quận Đồ Sơn cấp ngày 06-10-2016 cho ông M và bà B; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1706080071487 ngày 14-6-2017 được ký kết giữa VP Bank với ông M và bà B;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 58, diện tích 85,6m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 891927 do UBND quận Đ cấp ngày 13-7-2017 cho bà B; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN 1707240127083 ngày 26-7-2017 được ký kết giữa VP Bank với bà B;

- Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với các thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

2.3. Về thời gian, phương thức thanh toán và xử lý tài sản thế chấp:

Ông M và bà B phải có trách nhiệm trả nợ cho VP Bank toàn bộ số tiền nợ là 2.625.448.461 (*Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi một*) đồng; trong đó, nợ gốc là 1.538.933.391 (*Một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm chín mươi một*) đồng, nợ lãi trong hạn là 648.159.174 (*Sáu trăm bốn mươi tám triệu một trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tư*) đồng, nợ lãi quá hạn là 311.630.844 (*Ba trăm mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn mươi bốn*) đồng, nợ lãi chậm trả là 126.725.052 (*Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm năm mươi hai*) đồng theo 03 kỳ sau:

Kỳ 1: Trả 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 31-7-2020;

Kỳ 2: Trả 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 31-8-2020;

Số tiền trả của kỳ 1 và kỳ 2 này được trừ vào khoản nợ gốc 138.833.333 (*Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng của Hợp đồng cho vay số LN 1707240127083 ngày 26-7-2017 nêu trên.

Kỳ 3: Thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại là 2.525.448.461 (*Hai tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi một*) đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 30-9-2020.

Ông M và bà B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 25-6-2020 đối với số nợ gốc chưa thanh toán của từng hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ theo quy định của VP Bank thì lãi suất để làm căn cứ tính tiền lãi mà ông M, bà B phải tiếp tục thanh toán cho VP Bank cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VP Bank.

Ông M và bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán của Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân số CN/VN0010129/201706/06 ngày 05-6-2017, Hợp đồng tín dụng số LN 1706080071487 ngày 15-6-2017 và Hợp đồng cho vay số LN 1707240127083 ngày 26-7-2017 theo thỏa thuận trong các hợp đồng này.

Trường hợp ông M và bà B không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận về thời gian và phương thức trả nợ nêu trên thì VP Bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại mục 2.2 của Quyết định này để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì VP Bank có quyền yêu cầu xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông M và bà B để thu hồi nợ.

2.4. Đối với khoản nợ 25.647.737 (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi bảy*) đồng, theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 07-6-2017, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

#### 2.5. Về án phí:

Ông M và bà B nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 42.254.400 (*Bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm*) đồng.

Trả lại cho VP Bank số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 39.751.000 (*Ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi một nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0009608 ngày 11-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Trọng Đạt**